

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37A/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 07/6/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Trần Hưng Sơn

- Bà Thái Thị Thủy Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CT, xã BH, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Trương Đại N, sinh năm: 1997 (vắng mặt)

HKTT: ấp CT, xã NN, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Ấp SC, xã LG, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm T trình bày: chị và anh Nguyễn Trương Đại N tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/2018. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không đi làm, thu nhập chính trong gia đình do chị T lo anh N không phụ giúp về kinh tế nên vợ chồng cãi nhau. Nguyên nhân một phần do anh N nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân đến nay khoảng 01 tháng, chị T về xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Tú U, sinh ngày 09/12/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú U và không yêu

cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu Xin ly hôn; Về con chung: yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú U và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Trương Đại N trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị T về cơ sở kết hôn, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng một phần do anh không lo làm ăn và không chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên, anh không nghiện ma túy như chị T trình bày mà trước đây anh có sử dụng chất kích thích nhưng hiện nay không còn sử dụng nữa. Nay chị T yêu cầu thì anh không đồng ý ly hôn; Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì: về con chung: anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tú U và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị T ly hôn anh N; giao cháu Tú U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Trần Thị Cẩm T có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trương Đại N và giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật là: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Trần Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trương Đại N nên chị T là nguyên đơn, còn anh N là bị đơn trong vụ án.

[3] về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 28/5/2021 và lần thứ hai vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 07/6/2021 nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh N và chị T kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị T, anh N đều thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không chăm lo cho gia đình.

Ngoài ra, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn một phần do anh N nghiện ma túy. Tuy anh N không thừa nhận mình nghiện ma túy nhưng theo biên bản xác minh tại Công an xã Nhân nghĩa thì anh N là đối tượng nghiện ma túy. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T ly hôn anh N.

[5] Về con chung: chị T và anh N đều yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tú U, sinh ngày 09/12/2018. Xét thấy, hiện cháu Tú U chưa đủ 36 tháng tuổi và anh Nghĩ là đối tượng nghiện ma túy nên chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Tú U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu và anh N cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Cẩm T ly hôn anh Nguyễn Trương Đại N.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Tú U, sinh ngày 09/12/2018 cho chị Trần Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời anh Nguyễn Trương Đại N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh N, chị T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009026 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã Bảo Hòa;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung